

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-SGDĐT ngày 24/01/2026)

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
1	VŨ CÔNG MINH	ĐĂNG	119 / 002659	THCS Nguyễn Huệ	P. TỨ MINH	9,55	
2	PHẠM GIA	HÙNG	120 / 002676	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỆN	9,40	
3	PHẠM TẤN	SANG	122 / 002733	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	9,40	
4	ĐỖ NGUYỄN LAN	ANH	118 / 002626	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	9,35	
5	NGUYỄN THỊ HỒNG	GẮM	119 / 002660	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	9,35	
6	NGUYỄN ĐỨC	QUANG	030 / 000661	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	9,25	
7	ĐỒNG THỊ VÂN	ANH	118 / 002627	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	9,15	
8	LÊ XUÂN	ANH	118 / 002628	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	9,15	
9	NGUYỄN PHẠM KHÁNH	AN	118 / 002624	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	8,95	
10	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	025 / 000549	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	8,90	
11	VŨ HỮU	TÀI	122 / 002734	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	8,90	
12	VŨ BÙI MINH	UYẾN	123 / 002758	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	8,90	
13	ĐÀO NHẬT	MINH	028 / 000623	THCS Lê ích Mộc	P. THỦY NGUYỄN	8,85	
14	LƯU BÁ	CƯỜNG	119 / 002650	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	8,85	
15	TRẦN NAM	KHÁNH	120 / 002687	THCS Bình Minh	P. LÊ THANH NGHỊ	8,85	
16	NGUYỄN PHÚC	LỘC	121 / 002696	THCS Phan Bội Châu	X. TỨ KỶ	8,85	
17	NGUYỄN THỊ KHÁNH	NGỌC	122 / 002719	THCS Nguyễn Huệ	P. TỨ MINH	8,85	
18	TRẦN NAM	HẢI	119 / 002665	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	8,80	
19	LÊ THỊ THÚY	AN	025 / 000539	THCS Phan Chu Trinh	X. VIỆT KHÉ	8,65	
20	NGUYỄN ĐỨC	THIỆN	030 / 000673	THCS Đăng Lâm	P. HẢI AN	8,65	
21	NGUYỄN BẢO	CHI	118 / 002645	THCS An Sinh	P. PHẠM SỬ MẠNH	8,65	
22	BÙI THỊ THUÝ	HƯỜNG	120 / 002679	THCS Kim Xuyên	X. PHÚ THÁI	8,65	
23	VŨ THỊ THU	HIỀN	119 / 002669	THCS Hồng Khê	X. BÌNH GIANG	8,60	
24	ĐỖ GIA	MINH	121 / 002700	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỆN	8,50	
25	KHÚC DANH	HUY	027 / 000600	THCS Nguyễn Bá Ngọc	P. AN BIÊN	8,40	
26	HÀ KHÁNH	LINH	028 / 000613	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	8,35	
27	NGUYỄN PHẠM BẢO	NGÂN	028 / 000630	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	8,35	
28	ĐOÀN BẢO	ĐẠT	119 / 002657	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	8,35	
29	LÊ ĐĂNG	KHÁNH	120 / 002682	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	8,35	
30	NGÔ BẢO	NGỌC	121 / 002716	THCS Phan Bội Châu	X. TỨ KỶ	8,35	
31	ĐOÀN TRƯỜNG	THỊNH	123 / 002744	THCS Phan Bội Châu	X. TỨ KỶ	8,35	
32	LƯƠNG MINH	TRANG	123 / 002754	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	8,30	
33	PHẠM PHƯƠNG	MAI	121 / 002699	THCS Tân Việt	X. HÀ BẮC	8,25	
34	NGUYỄN KHÁNH	NGỌC	121 / 002717	THCS Phan Bội Châu	X. TỨ KỶ	8,25	
35	NGUYỄN NHẬT	ANH	118 / 002631	THCS Phan Bội Châu	X. TỨ KỶ	8,20	
36	VŨ TRUNG	HẢI	119 / 002666	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	8,10	
37	NGUYỄN PHƯƠNG	NGA	121 / 002708	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	8,10	
38	BÙI GIA	HÂN	119 / 002667	THCS Văn Tố	X. CHÍ MINH	8,00	
39	HỒ KHÁNH	HÂN	027 / 000592	THCS An Đà	P. GIA VIÊN	7,95	
40	LÊ XUÂN	HƯỜNG	120 / 002680	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	7,95	
41	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	122 / 002741	THCS Kim Đinh	X. AN THÀNH	7,95	
42	TRẦN BÍCH	PHƯƠNG	030 / 000659	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	7,90	
43	NGUYỄN TIẾN	MINH	121 / 002704	THCS Quang Thành	X. NAM AN PHỤ	7,90	
44	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	LINH	120 / 002693	THCS Thống Nhất	X. YẾT KIỆU	7,85	
45	NGUYỄN KIM	NGÂN	121 / 002709	THCS Thanh Hải	X. HÀ TÂY	7,85	
46	VŨ ANH	THỨ	123 / 002750	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỆN	7,85	
47	VŨ NGỌC MAI	PHƯƠNG	030 / 000660	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	7,80	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
48	LÊ THÙY	DƯƠNG	119 / 002654	THCS Bình Minh	P. LÊ THANH NGHỊ	7,80	
49	LÊ PHƯƠNG	NGỌC	121 / 002715	THCS Nguyễn Huệ	P. TỬ MINH	7,80	
50	HOÀNG KHÁNH	CHI	026 / 000562	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	7,75	
51	NGUYỄN TIẾN	DUY	026 / 000574	THCS Ngô Gia Tự	P. HỒNG BÀNG	7,75	
52	PHẠM HOÀNG	HÀ	027 / 000589	THCS Hữu Bằng	X. KIẾN THUY	7,75	
53	ĐỖ MINH	CHÂU	118 / 002643	THCS Thái Minh	X. ĐƯỜNG AN	7,70	
54	TRẦN TRUNG	KIÊN	120 / 002689	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	7,70	
55	VŨ TIẾN TRÍ	NGHĨA	121 / 002713	THCS Nguyễn Huệ	P. TỬ MINH	7,70	
56	NGUYỄN NHƯ	NGỌC	122 / 002718	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	7,70	
57	TRỊNH NGÂN	VY	123 / 002761	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	7,70	
58	LÊ VĂN HOÀNG	BÁCH	118 / 002639	THCS Toàn Thắng	X. GIA PHÚC	7,65	
59	PHÍ ĐÌNH HẢI	ĐĂNG	026 / 000581	THCS Đăng Lâm	P. HẢI AN	7,60	
60	NGUYỄN ĐỨC	THI	123 / 002743	THCS Hưng Long	X. HỒNG CHÂU	7,60	
61	ĐẶNG THỊ HUYỀN	TRANG	123 / 002753	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	7,60	
62	TRẦN CHU	BIN	118 / 002641	THCS Tân Phong	X. TÂN AN	7,55	
63	NGUYỄN HÀ	DƯƠNG	119 / 002655	THCS Phạm Sư Mạnh	P. KINH MÓN	7,55	
64	NGUYỄN NHƯ TUẤN	ĐẠT	119 / 002658	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	7,55	
65	TRẦN TUẤN	KIỆT	027 / 000608	THCS An Lư	P. HÒA BÌNH	7,50	
66	VŨ THỊ THUY	LINH	121 / 002694	THCS Thanh Tùng	X. NGUYỄN LƯƠNG BÀNG	7,50	
67	HOÀNG TUẤN	MINH	121 / 002701	THCS Chí Minh	P. CHU VĂN AN	7,50	
68	TRẦN THỊ KHÁNH	NGÂN	121 / 002711	THCS Phạm Sư Mạnh	P. KINH MÓN	7,50	
69	TRẦN NGUYỆT	ANH	025 / 000553	THCS Trương Công Định	P. LÊ CHÂN	7,45	
70	LIU TRUNG	KIÊN	120 / 002688	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	7,45	
71	BÙI ĐÌNH	NGUYỄN	029 / 000643	THCS Tân Thắng	X. AN LÃO	7,40	
72	VŨ HƯƠNG	GIANG	119 / 002662	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỆN	7,40	
73	NGUYỄN THỊ HÀ	CHI	026 / 000565	THCS Phan Chu Trinh	X. VIỆT KHÊ	7,30	
74	TRẦN PHÚC	LÂM	028 / 000611	THCS Chính Mỹ	P. LÊ ÍCH MỘC	7,30	
75	NGUYỄN GIA	KHÁNH	120 / 002685	THCS Thanh Hải	X. HÀ TÂY	7,30	
76	LÊ THỊ HUYỀN	ANH	025 / 000546	THCS Lê Ích Mộc	P. THỦY NGUYỄN	7,25	
77	MẠC ĐĂNG MINH	ANH	118 / 002629	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	7,25	
78	TRẦN QUANG	THUẬN	031 / 000676	THCS An Hưng	P. HỒNG AN	7,20	
79	VŨ LÊ HÀ	ANH	118 / 002634	THCS Cẩm Đông	X. MAO ĐIỂN	7,20	
80	NGUYỄN ĐÌNH	BÁCH	118 / 002640	THCS Lai Cách	P. VIỆT HOÀ	7,20	
81	NGUYỄN THỪA	MINH	121 / 002703	THCS Nhân Quyền	X. NGUYỄN LƯƠNG BÀNG	7,20	
82	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	122 / 002737	THCS Phạm Sư Mạnh	P. KINH MÓN	7,20	
83	NGUYỄN VŨ TƯỜNG	NGHI	029 / 000634	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	7,15	
84	NGUYỄN ĐỨC	HẢI	119 / 002664	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	7,15	
85	NGUYỄN TÂM	NHƯ	122 / 002726	THCS Nguyễn Huệ	P. TỬ MINH	7,15	
86	NGÔ TRƯỜNG	GIANG	026 / 000585	THCS An Đà	P. GIA VIÊN	7,05	
87	PHẠM NGUYỄN	PHƯƠNG	030 / 000658	THCS Chính Mỹ	P. LÊ ÍCH MỘC	7,05	
88	NGUYỄN DƯƠNG NGỌC	DIỆP	119 / 002651	THCS Vĩnh Lập	X. HÀ ĐÔNG	7,05	
89	DƯƠNG THANH	HOA	120 / 002671	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	7,05	
90	HOÀNG MINH	THÀNH	122 / 002736	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	7,05	
91	BÙI VŨ DUY	ANH	118 / 002625	THCS Hồng Phong	X. KHÚC THỪA DỤ	7,00	
92	LÊ THỊ ÁNH	THƯ	123 / 002749	THCS Ngô Quyền	X. HẢI HUNG	7,00	
93	BÙI GIA	NINH	029 / 000648	THCS Đà Nẵng	P. NGÔ QUYẾN	6,95	
94	BÙI THỊ KHÁNH	LINH	120 / 002691	THCS Phạm Sư Mạnh	P. KINH MÓN	6,95	
95	PHẠM HẢI	NAM	121 / 002707	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	6,90	
96	VŨ HẢI	PHONG	122 / 002729	THCS Bình Minh	P. LÊ THANH NGHỊ	6,90	
97	TRỊNH VŨ NGỌC	THẢO	123 / 002742	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	6,85	
98	TRẦN KHÁNH	CHI	026 / 000566	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	6,80	
99	PHÙNG MINH	TÂM	030 / 000667	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	6,80	
100	PHÍ MINH	THU	031 / 000675	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	6,80	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THU/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
101	VŨ TUẤN	HÙNG	120 / 002673	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	6,80	
102	PHÙNG CÔNG TÙNG	LÂM	028 / 000610	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	6,75	
103	BÙI HẢI	NINH	029 / 000649	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	6,75	
104	NGUYỄN ĐỨC	PHÚC	029 / 000651	THCS Minh Đức	P. BẠCH ĐĂNG	6,75	
105	PHẠM TRẦN GIA	KHÁNH	120 / 002686	THCS Quang Minh	X. TRƯỜNG TÂN	6,75	
106	TRẦN MINH	NGỌC	029 / 000641	THCS Lê Ích Mịch	P. THỦY NGUYÊN	6,70	
107	HOÀNG VŨ TRÀ	MY	121 / 002705	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	6,70	
108	ĐÀM NGUYỄN UYÊN	LINH	028 / 000612	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	6,60	
109	VŨ KHÁNH	NGỌC	122 / 002722	THCS Cẩm Thượng	P. THÀNH ĐÔNG	6,55	
110	VŨ TRẦN BẢO	NGỌC	122 / 002723	THCS Nguyễn Trãi	P. NGUYỄN TRÃI	6,55	
111	ĐÀO NGỌC	DIỆP	026 / 000569	THCS Hải Thành	P. DƯƠNG KINH	6,50	
112	NGUYỄN MINH	PHÚC	122 / 002730	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỀN	6,50	
113	ĐÀO VIỆT	CƯỜNG	119 / 002648	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯƠNG AN	6,45	
114	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	122 / 002738	THCS Tân Kỳ	X. TÂN KỶ	6,45	
115	VŨ BẢO	NGỌC	029 / 000642	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	6,40	
116	NGUYỄN THU	TRANG	031 / 000678	THCS Đoàn Lập	X. TÂN MINH	6,40	
117	CAO TUỆ	LINH	120 / 002692	THCS Tân Quang II	X. HỒNG CHÂU	6,40	
118	BÙI THỊ HUỖN	TRANG	123 / 002752	THCS Kiến Quốc	X. KHÚC THỪA DỤ	6,40	
119	NGUYỄN THỊ	DOAN	026 / 000571	THCS Tam Cường	X. VINH AM	6,35	
120	LÊ VÂN	PHƯƠNG	030 / 000654	THCS Tiên Lãng	X. TIÊN LÃNG	6,35	
121	NGUYỄN LÊ BẢO	HÂN	119 / 002668	THCS Định Sơn	X. CẨM GIANG	6,35	
122	TRƯƠNG MINH HOÀNG	LONG	121 / 002695	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	6,35	
123	PHẠM HỮU	VINH	123 / 002759	THCS Hưng Đạo	X. ĐẠI SƠN	6,35	
124	TRẦN NGỌC ÁNH	DƯƠNG	026 / 000579	THCS Vĩnh Niệm	P. AN BIÊN	6,30	
125	NGUYỄN DUY	MINH	028 / 000624	THCS Đà Nẵng	P. NGÔ QUYẾN	6,30	
126	TRẦN YẾN	NHI	122 / 002725	THCS Yết Kiêu	X. YẾT KIỆU	6,30	
127	BÙI NHƯ	Ý	123 / 002762	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỀN	6,30	
128	LÊ KHÁNH	HUYỀN	120 / 002675	THCS Ngô Quyền	X. HẢI HUNG	6,25	
129	NGUYỄN MAI	HƯƠNG	120 / 002678	THCS Chí Minh	P. CHU VĂN AN	6,25	
130	LÊ GIA	KHÁNH	120 / 002684	THCS Bạch Đằng	P. BẮC AN PHỤ	6,25	
131	ĐẶNG DUY	CƯỜNG	119 / 002649	THCS Minh Tân	P. NHỊ CHIẾU	6,20	
132	NGUYỄN KHÁNH	AN	118 / 002623	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	6,15	
133	NGUYỄN MẠNH	TRƯỜNG	031 / 000680	THCS Sơn	X. AN LÃO	6,10	
134	LÊ GIA	KHÁNH	120 / 002683	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	6,10	
135	ĐOÀN GIA	HUNG	027 / 000601	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	6,05	
136	ĐỖ HƯƠNG	GIANG	119 / 002661	THCS An Bình	X. AN PHỦ	6,05	
137	ĐOÀN VINH	TRƯỜNG	123 / 002757	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	6,05	
138	ĐINH VŨ KHÁNH	AN	118 / 002622	THCS Ngọc Châu	P. HẢI DƯƠNG	6,00	
139	VŨ NGỌC	ANH	118 / 002635	THCS Đông Cẩm	X. KIM THÀNH	6,00	
140	NGUYỄN PHƯƠNG	CHINH	119 / 002647	THCS Hiệp Cát	X. TRẦN PHÚ	6,00	
141	LÃ NGỌC KHÁNH	LINH	028 / 000615	THCS Lâm Động	P. THIÊN HƯƠNG	5,95	
142	ĐỖ THỊ	DUNG	026 / 000572	THCS Chính Mỹ	P. LÊ ÍCH MỊCH	5,90	
143	PHẠM BÍCH	NGỌC	029 / 000640	THCS Trương Công Định	P. LÊ CHÂN	5,85	
144	KIM MINH	THƯ	123 / 002748	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỀN	5,85	
145	NGUYỄN HOÀNG TRÚC	MAI	028 / 000620	THCS Thái Sơn	X. AN KHÁNH	5,75	
146	NGUYỄN THỊ THÙY	ANH	118 / 002633	THCS Đông Cẩm	X. KIM THÀNH	5,75	
147	PHÙNG MINH	ANH	025 / 000552	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	5,70	
148	PHẠM NGỌC BẢO	HÀ	027 / 000590	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	5,70	
149	NGUYỄN TRẦN HÀ	CHÂU	025 / 000561	THCS Chính Mỹ	P. LÊ ÍCH MỊCH	5,65	
150	ĐẶNG ĐĂNG	KHOA	027 / 000605	THCS Đông Hoà	P. KIẾN AN	5,65	
151	HOÀNG ĐỨC	VIỆT	031 / 000685	THCS Quang Trung	P. NGÔ QUYẾN	5,65	
152	ĐINH ĐOÀN LAN	ANH	025 / 000542	THCS Lập Lễ	P. NAM TRIỆU	5,60	
153	VŨ BẢO	NGÂN	028 / 000632	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	5,60	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THU/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
154	NGUYỄN BẢO	NGỌC	029 / 000639	THCS Trần Phú	P. PHÙ LIÊN	5,60	
155	NGUYỄN THU	THẢO	030 / 000671	THCS Thăng Thủy-Vĩnh Long	X. VINH THỊNH	5,60	
156	ĐỖ BẢO	LONG	028 / 000619	THCS Kỳ Sơn	X. VIỆT KHÊ	5,55	
157	ĐỖ THANH	BA	118 / 002638	THCS ứng Hòa	X. VINH LAI	5,55	
158	TRẦN LÊ KHÁNH	CHI	026 / 000567	THCS Đà Nẵng	P. NGÔ QUYẾN	5,50	
159	BÙI THỊ MINH	THU	123 / 002745	THCS Minh Hòa	P. NGUYỄN ĐẠI NĂNG	5,50	
160	VŨ THỊ PHƯƠNG	ANH	118 / 002637	THCS Thanh Xuân	X. HÀ NAM	5,45	
161	TRẦN LINH	ĐAN	119 / 002656	THCS Duy Tân	P. NHỊ CHIẾU	5,45	
162	PHẠM THẢO	AN	025 / 000541	THCS Minh Đức	P. BẠCH ĐĂNG	5,40	
163	NGUYỄN TIẾN	KHOA	027 / 000607	THCS Nguyễn Bá Ngọc	P. AN BIÊN	5,40	
164	NGUYỄN THỊ MAI	PHƯƠNG	122 / 002731	TH-THCS Nguyễn Đức Sáu	X. THÁI TÂN	5,40	
165	CAO THỊ HOÀI	AN	025 / 000538	THCS Quang Phục	X. TIÊN MINH	5,35	
166	NGUYỄN DIỆP	CHI	119 / 002646	THCS Đức Chính	X. TUỆ TĨNH	5,35	
167	TẶNG THỊ THU	TRANG	123 / 002755	THCS Lai Vu	X. LAI KHÊ	5,35	
168	PHẠM NGỌC	HÂN	027 / 000593	THCS Lâm Động	P. THIÊN HƯƠNG	5,30	
169	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	026 / 000570	THCS Trần Hưng Đạo	P. LƯU KIỂM	5,25	
170	MAI CÔNG	THỊNH	031 / 000674	THCS Tam Hưng	P. NAM TRIỆU	5,25	
171	LÊ ĐỨC	ANH	025 / 000545	THCS Lương Khánh Thiện	X. AN LÃO	5,20	
172	NGUYỄN MINH	ĐOÀN	026 / 000582	THCS Đăng Lâm	P. HẢI AN	5,20	
173	HOÀNG TRUNG	HẢI	027 / 000591	THCS Hồng Bằng	P. HỒNG BÀNG	5,20	
174	PHẠM TRÀ	MY	028 / 000626	THCS Liên Khê	P. LƯU KIỂM	5,15	
175	NGUYỄN QUỲNH	ANH	118 / 002632	THCS Hoàng Diệu	X. GIA PHÚC	5,15	
176	DƯƠNG THỊ MINH	CHÂU	118 / 002642	THCS Liên Mạc	X. HÀ NAM	5,15	
177	CHIANG JIA	RU	122 / 002732	THCS Nguyễn Giáp	X. NGUYỄN GIÁP	5,15	
178	TRẦN THỊ HẢI	YẾN	031 / 000690	THCS Dương Quan	P. THỦY NGUYÊN	5,10	
179	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	122 / 002739	THCS An Thượng	P. THÀNH ĐÔNG	5,10	
180	NGÔ THU	THUY	123 / 002746	THCS Chi Lăng Nam	X. NAM THANH MIỆN	5,10	
181	VŨ NGỌC BẢO	TRÂM	123 / 002756	THCS Đông Lạc	P. LÊ ĐẠI HÀNH	5,10	
182	PHẠM HÀ	VI	031 / 000684	TH-THCS Lê Khắc Cẩn	X. AN HÙNG	5,05	
183	VŨ PHƯƠNG	ANH	118 / 002636	THCS Tân Việt	X. HÀ BẮC	5,05	
184	ĐỖ LAN	HƯƠNG	120 / 002677	THCS Nghĩa An	X. VINH LAI	5,05	
185	ĐÀO ĐẮC DUY	HẢI	119 / 002663	THCS Cẩm Hoàng	X. CẨM GIANG	5,00	
186	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	MAI	121 / 002698	THCS Tân Kỳ	X. TÂN KỶ	5,00	
187	LÊ BẢO	NGỌC	121 / 002714	THCS Tân Trường	X. MAO ĐIỂN	5,00	
188	NGÔ HOÀNG BẢO	TRẦN	031 / 000679	THCS Hải Thành	P. DƯƠNG KINH	4,95	
189	VŨ GIA	LINH	028 / 000618	THCS Quốc Tuấn	X. AN QUANG	4,90	
190	PHẠM NHƯ	Ý	031 / 000689	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	4,90	
191	VŨ HẢI	YẾN	031 / 000691	THCS Quán Toan	P. HỒNG AN	4,90	
192	THÁI PHẠM MINH	HIẾU	120 / 002670	THCS Phả Lại	P. CHÍ LINH	4,90	
193	NGUYỄN NHƯ	Ý	123 / 002763	THCS Cẩm Hoàng	X. CẨM GIANG	4,90	
194	ĐỖ TIẾN	ĐẠT	026 / 000580	THCS Đa Phúc	P. HUNG ĐẠO	4,85	
195	NGUYỄN BẢO	LÂM	027 / 000609	THCS Trần Hưng Đạo	P. LƯU KIỂM	4,85	
196	PHẠM PHƯƠNG	THẢO	122 / 002740	THCS Lai Cách	P. VIỆT HOÀ	4,85	
197	VŨ THỊ THU	THẢO	030 / 000672	THCS Kiến Thiết	X. TÂN MINH	4,70	
198	ĐỖ PHƯƠNG	ANH	025 / 000544	THCS Tam Cường	X. VINH AM	4,65	
199	QUÁN PHƯƠNG	GIANG	027 / 000587	THCS Nguyễn Bá Ngọc	P. AN BIÊN	4,65	
200	NINH THÁI	TUẤN	031 / 000681	THCS Quốc Tuấn	X. AN QUANG	4,65	
201	ĐÀO QUỲNH	CHI	118 / 002644	THCS Vĩnh Hồng	X. KẾ SẮT	4,65	
202	QUÁCH NGỌC	DIJU	119 / 002652	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	4,65	
203	ĐÀO VĂN	KHÁNH	120 / 002681	THCS Cộng Lạc	X. LẠC PHƯỢNG	4,65	
204	ĐINH NGỌC HẢI	PHONG	122 / 002728	THCS Lê Lợi	X. YẾT KIỆU	4,60	
205	VŨ VĂN	TĨNH	123 / 002751	THCS Lam Sơn	X. BẮC THANH MIỆN	4,60	
206	NGUYỄN THÁI	BẢO	025 / 000557	TH-THCS Thụy Hương	X. KIẾN THỤY	4,55	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THU/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
207	PHẠM NGỌC GIA	BẢO	025 / 000558	THCS Đông Hải	P. ĐÔNG HẢI	4,55	
208	VŨ GIA	HUNG	027 / 000602	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	4,55	
209	NGUYỄN MINH	QUÂN	030 / 000663	THCS Vĩnh An-Tân Liên	X. VĨNH THUẬN	4,55	
210	NGUYỄN NGỌC MINH	TÂM	030 / 000666	THCS Tiên Lãng	X. TIÊN LÃNG	4,55	
211	TRẦN GIA	BÌNH	025 / 000560	THCS Đông Hải	P. ĐÔNG HẢI	4,50	
212	NGUYỄN HOÀNG YẾN	LINH	028 / 000616	THCS Quán Toan	P. HỒNG AN	4,40	
213	NGUYỄN THỊ	MY	028 / 000625	TH-THCS Lê Khắc Cẩn	X. AN HUNG	4,40	
214	NGUYỄN BẢO KHÁNH	AN	025 / 000540	THCS Đông Hải	P. ĐÔNG HẢI	4,30	
215	ĐINH THỊ MINH	ANH	025 / 000543	THCS Phục Lễ	P. NAM TRIỆU	4,25	
216	ĐOÀN THU	HIỀN	027 / 000594	THCS Tiên Phong-Vĩnh Phong	X. VĨNH HẢI	4,25	
217	NGÔ MINH	HIẾU	027 / 000596	THCS Nam Hà	P. KIẾN AN	4,25	
218	LÊ ANH	NGUYỄN	029 / 000644	THCS Lương Khánh Thiện	P. PHÙ LIỄN	4,25	
219	VŨ PHƯƠNG	ANH	025 / 000555	THCS Vinh Quang	X. HÙNG THẮNG	4,20	
220	NGUYỄN PHƯƠNG	DUNG	026 / 000573	TH-THCS Thành	X. AN TRƯỜNG	4,20	
221	NGUYỄN THỊ THẢO	HOA	027 / 000597	THCS Lý Học - Liên Am - Cao Minh	X. NGUYỄN BÌNH KHIÊM	4,20	
222	ĐÀM VĂN	SƠN	030 / 000664	THCS Hợp Đức	P. NAM ĐỒ SƠN	4,20	
223	NGUYỄN THỊ THU	NGÂN	121 / 002710	THCS Hải Tân	P. TÂN HUNG	4,20	
224	VŨ KHÁNH	NGỌC	122 / 002721	THCS Cẩm Hưng	X. CẨM GIANG	4,20	
225	PHẠM TRÂM	ANH	025 / 000551	THCS Anh Dũng	P. HUNG ĐẠO	4,15	
226	LÊ HOÀNG	BÁCH	025 / 000556	THCS Đông Hải	P. ĐÔNG HẢI	4,15	
227	PHẠM VIỆT	HOÀNG	120 / 002672	THCS Tân Phong	X. TÂN AN	4,15	
228	PHẠM BẢO	NAM	121 / 002706	THCS Hồng Đức	X. TÂN AN	4,10	
229	NGUYỄN LAN	DƯƠNG	026 / 000577	THCS Đăng Lâm	P. HẢI AN	4,05	
230	PHẠM MINH	ĐỨC	026 / 000583	THCS Quán Toan	P. HỒNG AN	4,05	
231	LIU BẢO	NGỌC	029 / 000638	THCS An Hòa	P. AN PHONG	4,05	
232	LƯƠNG BẢO	NHI	029 / 000646	THCS Đại Thắng	X. QUYẾT THẮNG	4,05	
233	LÊ HOÀNG ÁNH	DƯƠNG	119 / 002653	THCS Tiên Tiến	P. NAM ĐỒNG	4,05	
234	LÊ PHƯƠNG	NGA	028 / 000628	THCS Tiên Cường	X. QUYẾT THẮNG	4,00	
235	NGUYỄN PHẠM THẢO	PHƯƠNG	030 / 000656	THCS Đoàn Xá	X. KIẾN HẢI	4,00	
236	NGUYỄN THỊ THU	PHƯƠNG	030 / 000657	THCS Vinh Quang-Thanh Lương	X. VĨNH BẢO	4,00	
237	TRẦN ANH	HUY	120 / 002674	THCS Ngọc Châu	P. HẢI DƯƠNG	4,00	
238	TRẦN THỊ HỒNG	NGỌC	122 / 002720	THCS Thượng Quận	P. TRẦN LIẾU	4,00	
239	VƯƠNG NGỌC	BÍCH	025 / 000559	TH-THCS Thành	X. AN TRƯỜNG	3,95	
240	LIU THỊ HỒNG	PHƯỚC	029 / 000653	THCS Đa Phúc	P. HUNG ĐẠO	3,95	
241	PHẠM HỒNG	SƠN	030 / 000665	THCS An Đông	P. AN HẢI	3,95	
242	NGUYỄN VĂN	TOÀN	031 / 000677	THCS An Hòa	P. AN PHONG	3,95	
243	VŨ THỊ THANH	NHÀN	122 / 002724	TH-THCS Thái Hòa	X. THƯỢNG HỒNG	3,90	
244	VŨ THỊ	OANH	122 / 002727	THCS Phả Lại	P. CHÍ LINH	3,90	
245	ĐỒNG THỊ ANH	THỨ	123 / 002747	THCS Cộng Hòa	X. AN PHÚ	3,90	
246	NGUYỄN ÁNH	DƯƠNG	026 / 000576	THCS Thị trấn Cát Bà	ĐẶC KHU CÁT HẢI	3,85	
247	NGUYỄN PHƯƠNG	VI	031 / 000683	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VĨNH BẢO	3,80	
248	PHẠM KHÁNH	VY	031 / 000688	THCS Đại Đồng - Đông Phương	X. KIẾN MINH	3,80	
249	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	027 / 000606	THCS Ngũ Đoan	X. KIẾN HUNG	3,75	
250	ĐÀO THỊ BẢO	NGỌC	029 / 000635	THCS Kiến Phúc	X. NGHI DƯƠNG	3,75	
251	PHẠM DUY	THÀNH	030 / 000669	THCS Hùng Thắng	X. HÙNG THẮNG	3,75	
252	NGUYỄN THỊ NGỌC	MAI	121 / 002697	THCS Cổ Dũng	X. LAI KHÉ	3,75	
253	NGUYỄN PHƯƠNG	NHI	029 / 000647	THCS Nguyễn Văn Cừ	P. HÒA BÌNH	3,65	
254	NGUYỄN QUỐC	VIỆT	031 / 000686	THCS Giang Biên	X. VĨNH THUẬN	3,60	
255	NGUYỄN ĐỨC	MINH	121 / 002702	THCS Phả Lại	P. CHÍ LINH	3,60	
256	VŨ THỊ	NGÂN	121 / 002712	THCS Thạch Khôi	P. THẠCH KHÔI	3,60	
257	LIU HƯƠNG	GIANG	026 / 000584	THCS Nguyễn Văn Cừ	P. HÒA BÌNH	3,55	
258	HUYỀNH MAI	THANH	122 / 002735	THCS Hoàng Tiến	P. TRẦN NHÂN TÔNG	3,55	
259	NGUYỄN KHÁNH	CHI	026 / 000563	TH-THCS Thụy Hương	X. KIẾN THỤY	3,50	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
260	NGUYỄN MẠNH TƯỜNG	GIANG	027 / 000586	TH-THCS Tân Phong	X. KIẾN HẢI	3,50	
261	ĐỖ TỐ	UYÊN	031 / 000682	THCS An Dương	P. AN DƯƠNG	3,50	
262	PHẠM TRUNG	CHÍNH	026 / 000568	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	3,40	
263	HOA HÀ	LINH	028 / 000614	THCS Bắc Sơn	P. KIẾN AN	3,40	
264	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	025 / 000550	THCS Thăng Thủy-Vinh Long	X. VINH THỊNH	3,35	
265	NGUYỄN KHÁNH	CHI	026 / 000564	THCS Bằng La	P. NAM ĐỒ SƠN	3,35	
266	TRẦN KHÁNH	HIỀN	027 / 000595	THCS Vạn Sơn	P. ĐỒ SƠN	3,35	
267	LƯƠNG THỊ ÁNH	NGA	028 / 000629	THCS Chấn Hưng	X. CHẤN HƯNG	3,35	
268	NGUYỄN PHẠM PHƯƠNG	THẢO	030 / 000670	THCS Hiệp Hòa-Hùng Tiến	X. VINH HÒA	3,35	
269	NGUYỄN HẢI	ANH	118 / 002630	THCS Kê Sắt	X. KÊ SẮT	3,35	
270	HOÀNG THỊ	LAN	120 / 002690	THCS Cổ Dũng	X. LAI KHÊ	3,35	
271	NGUYỄN HẢI	ANH	025 / 000547	THCS Khởi Nghĩa	X. TIÊN LĂNG	3,30	
272	PHẠM THỊ THUỶ	DƯƠNG	026 / 000578	THCS Lê Thiện	P. AN PHONG	3,30	
273	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	027 / 000598	THCS Hồng Thái	P. AN HẢI	3,20	
274	TRẦN THỊ TÚ	ANH	025 / 000554	THCS An Dương	P. AN DƯƠNG	3,15	
275	ĐÀO THU	HƯƠNG	027 / 000603	THCS Kiến Phúc	X. NGHI DƯƠNG	3,15	
276	BÙI THỊ PHƯƠNG	MINH	028 / 000621	THCS Đặng Cương	P. AN DƯƠNG	3,15	
277	VŨ NGỌC HẢI	NGÂN	028 / 000633	THCS Ngũ Đoan	X. KIẾN HUNG	3,15	
278	ĐẶNG THỤY	DƯƠNG	026 / 000575	THCS Hòa Nghĩa	P. DƯƠNG KINH	3,10	
279	DƯ THÀNH	MINH	028 / 000622	THCS An Dương	P. AN DƯƠNG	3,10	
280	NGUYỄN MINH	QUÂN	030 / 000662	THCS Minh Tân	X. KIẾN MINH	3,05	
281	NGUYỄN KIỀU	OANH	029 / 000650	THCS Võ Thị Sáu	P. AN BIÊN	3,00	
282	TRẦN THỊ VÂN	THANH	030 / 000668	THCS Trần Hưng Đạo	P. KIẾN AN	3,00	
283	NGUYỄN LÂM NGỌC	ANH	025 / 000548	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	2,95	
284	PHẠM QUỐC	KHÁNH	027 / 000604	THCS Đại Hợp	X. KIẾN HẢI	2,95	
285	HÀ THỊ LINH	NGỌC	029 / 000637	THCS Bắc Hà	P. PHÙ LIÊN	2,95	
286	XUÂN HẢI	NAM	028 / 000627	THCS Trần Phú	P. PHÙ LIÊN	2,85	
287	ĐOÀN THỊ ÁNH	NGỌC	029 / 000636	THCS Tiên Minh	X. TIÊN MINH	2,85	
288	PHẠM KHÁNH	NGÂN	028 / 000631	THCS Bắc Sơn	P. AN DƯƠNG	2,75	
289	NGUYỄN KHÁNH	VY	123 / 002760	THCS Hải Tân	P. TÂN HUNG	2,70	
290	NGUYỄN THỊ MINH	HÀ	027 / 000588	THCS An Dương	P. AN DƯƠNG	2,50	
291	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	027 / 000599	TH-THCS Vạn Hương	P. ĐỒ SƠN	2,50	
292	PHẠM KHÁNH	LINH	028 / 000617	THCS Hòa Bình-Trần Dương	X. NGUYỄN BÌNH KHIÊM	2,45	
293	VŨ XUÂN TRỌNG	NHÂN	029 / 000645	THCS Hiệp Hòa-Hùng Tiến	X. VINH HÒA	2,35	
294	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	029 / 000652	THCS Tân Viên	X. AN KHÁNH	2,30	
295	NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	030 / 000655	THCS Mỹ Đức	X. AN KHÁNH	1,90	
296	ĐOÀN THỊ KHÁNH	VY	031 / 000687	THCS Đông Tây Hưng	X. CHẤN HUNG	1,80	

(Danh sách gồm: 296 thí sinh)

